

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở THỪA THIÊN - HUẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MẠNH

Hiện nay ở vùng núi Thừa Thiên - Huế có ba dân tộc thiểu số cư trú; đó là dân tộc Tà-ôi, Cơ-tu, Bru - Vân Kiều. Người Tà-ôi có số lượng đông nhất với hơn 20.000 người, chiếm 65,4% dân số các dân tộc thiểu số trong tỉnh; người Cơ-tu có khoảng 10.000 người, chiếm hơn 32,2%; còn nhóm Vân Kiều (dân tộc Bru - Vân Kiều) có hơn 700 người, chiếm 2,3%.

Từ sau năm 1975, khi đất nước được thống nhất, theo chủ trương phân bố lại dân cư hợp lý, việc di dân theo kế hoạch của Nhà nước, đã đưa một bộ phận người Việt ở đồng bằng lên vùng núi A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc; ngoài ra còn có một số hộ người Việt di cư tự do lên cư trú cùng bản với đồng bào các dân tộc thiểu số để làm ăn buôn bán. Những thay đổi về dân cư, những tác động của kinh tế hàng hoá, của xu hướng hôn nhân khác tộc đã làm cho văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số miền núi Thừa Thiên - Huế biến đổi sâu sắc về nhiều mặt. Theo chúng tôi quá trình biến đổi đó diễn ra theo năm xu hướng chính sau đây:

1. Xu hướng giao lưu văn hoá giữa các tộc người trong khu vực

Đây là một trong những xu hướng và tác nhân quan trọng đối với sự biến đổi văn hoá của các dân tộc thiểu số ở miền núi Thừa Thiên - Huế hiện nay. Tuy nhiên, khác với các thời kỳ trước đây, giao lưu, ảnh hưởng văn hoá giữa các dân tộc thiểu số với

nhau và giữa dân tộc thiểu số với người Việt hiện nay diễn ra với quy mô và cường độ ngày càng mạnh mẽ và mở rộng.

Trước hết sự giao lưu đó được thể hiện trong việc phân bố dân cư giữa các dân tộc thiểu số với nhau và giữa các dân tộc thiểu số với người Việt. Hiện nay, về cơ bản người Tà-ôi (nhóm Pa-co) phân bố ở huyện A Lưới, người Cơ-tu ở Nam Đông, nhưng đi vào cụ thể rất ít các bản làng thuần nhất chỉ có một dân tộc cư trú. Hiện tượng trong một bản của người Tà-ôi, Cơ-tu hoặc Vân Kiều có sự cộng cư của các tộc người khác và xuất hiện một số gia đình người Việt làm ăn buôn bán là phổ biến. Ngoài ra, trong không gian một xã, việc cư trú xen kẽ bản dân tộc Tà-ôi kề cận với bản dân tộc Cơ-tu hay bản dân tộc Cơ-tu kề cận với bản người Vân Kiều, hay bản của các dân tộc thiểu số kề cận với bản kinh tế người Việt là hiện tượng thường gặp ở các huyện miền núi hiện nay.

Sự giao thoa còn thể hiện đậm nét trong lĩnh vực hôn nhân. Nếu như trước đây hôn nhân khác tộc và đặc biệt là hôn nhân giữa các dân tộc thiểu số với người Việt rất ít xảy ra, thì hiện nay, do sự giao lưu văn hoá, sự tác động của kinh tế thị trường, nên hôn nhân khác tộc ngày càng diễn ra phổ biến, kể cả hôn nhân chồng dân tộc thiểu số vợ người Việt. TS. Nguyễn Xuân Hồng khi khảo sát quan hệ hôn nhân ở một số xã thuộc huyện A Lưới đã đưa ra số liệu thống kê về hôn nhân ngoại tộc như sau:

| Địa phương, dân tộc | Tổng số cuộc hôn nhân | Quan hệ hôn nhân | | |
|--------------------------|-----------------------|------------------|--------------------------|--------------|
| | | Đồng tộc | Hỗn hợp dân tộc thiểu số | Dân tộc Kinh |
| Xã A Ngo (Tà-ôi) | 73 | 55 | 15 | 3 |
| Xã Hương Nguyên (CƠ-tu) | 82 | 70 | 10 | 2 |
| Xã Hướng Hiệp (Vân Kiều) | 91 | 66 | 16 | 9 |

Nguồn: Nguyễn Xuân Hồng, 1998, tr. 71.

Số liệu hôn nhân ngoại tộc ở trên cho thấy một khía cạnh của xu hướng giao lưu văn hoá giữa các tộc người thiểu số ở Thừa Thiên - Huế ngày càng được mở rộng và phát triển.

Đặc biệt sự giao lưu giữa các tộc người thiểu số ở miền núi Thừa Thiên - Huế được thể hiện rõ nét trong lĩnh vực văn hoá. Mặc dù khi nói đến người Tà-ôi, chúng ta nói đến những ngôi nhà dài; với người Cơ-tu là ngôi nhà Gươl; với người Vân Kiều là tục đi Sim... nhưng nhìn chung sự giao lưu văn hoá đã tạo nên những yếu tố tương đồng giữa các dân tộc thiểu số trong khu vực. Có thể những yếu tố văn hoá tương đồng này bắt nguồn từ cùng một nguồn gốc tộc người (Môn - Khơ-me miền núi), nhưng cũng phải thấy rằng sự tương đồng về văn hoá thể hiện sự giao lưu học hỏi văn hoá lẫn nhau giữa các tộc người Tà-ôi, Cơ-tu, Bru - Vân Kiều. Đi vào cụ thể chúng ta thấy các tộc người này xét về phương tiện đi lại, công cụ sản xuất, nhà cửa, sinh hoạt kinh tế... đều cơ bản giống nhau; về ăn mặc, ngoài các món ăn truyền thống của từng tộc người, đã xuất hiện, đan xen món ăn dân tộc này với dân tộc khác, cũng như món ăn và cách ăn của

người Việt; trang phục của người Việt, váy áo từ sản phẩm nghề dệt Zèng, mà bây giờ không chỉ người Tà-ôi mà người Pa-co, Pa-hy cũng tự làm ra loại sản phẩm đó. Nhiều tập quán, nghi lễ tôn giáo chung cho cả ba dân tộc, ví như người Bru - Vân Kiều dùng phương pháp “thối” chữa bệnh, biết dùng độc dược để “thu” kẻ thù, thì người Tà-ôi, Cơ-tu cũng biết “thối”, biết “thu” như vậy. Loại hình nhà chung của cộng đồng, như Gươl phổ biến ở tộc người Cơ-tu và có mặt ở người Tà-ôi, Pa-co, Pa-hy và theo một số nhà nghiên cứu loại hình nhà này có mặt ở một số tộc người khu vực miền núi Thừa Thiên - Huế là do tiếp thu văn hóa Cơ-tu (Nguyễn Tri Hùng, 1992, tr. 62). Trong văn học nghệ thuật, nhiều mô típ trang trí trên nhà cửa, nền vải, nhà mồ, hoặc những truyền thuyết, những truyện cổ dân gian, những nhạc cụ... rất khó phân biệt đâu là của dân tộc này, đâu là của dân tộc khác. Đặc biệt trong những năm gần đây, do tác động của kinh tế thị trường, sự mở rộng các nông lâm trường, những yếu tố văn hoá của người Việt lại càng có điều kiện giao lưu, hội nhập với văn hoá các dân tộc thiểu số. Những ngôi nhà trệt bê tông, mái ngói hoặc lợp tôn,

những trang phục, những dụng cụ sinh hoạt gia đình đều được mua từ người Việt và rồi các món ăn, dụng cụ chế biến món ăn, dụng cụ ăn uống cũng như người Việt. Ngay đến cả những phong tục tập quán - yếu tố ít chịu ảnh hưởng và biến đổi nhất, cũng có xu hướng giao lưu, biến đổi, như một số bản làng của dân tộc thiểu số học theo cách người Việt tổ chức tảo mộ vào dịp lễ tết, thắp hương lập bàn thờ tổ tiên, tổ chức lễ hội tết cùng với người Việt, các đám cưới chịu ảnh hưởng trang phục, bài trí tổ chức như người Việt. Thậm chí, thanh, thiếu niên người dân tộc thiểu số có xu hướng chỉ học và nói tiếng phổ thông, sử dụng rất ít tiếng dân tộc mình...

Giao lưu văn hoá giữa các tộc người ở vùng núi Thừa Thiên - Huế có cả những tác động tích cực lẫn tiêu cực. Trước hết, giao lưu góp phần thúc đẩy quá trình xích lại gần nhau và hiểu biết lẫn nhau giữa các tộc người; giao lưu cũng là tác nhân quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hoá truyền thống theo xu hướng học hỏi, tiếp thu những giá trị tinh hoa của các dân tộc khác. Nhờ vậy, nhiều giá trị văn hoá mới được bổ sung vào kho tàng văn hoá tộc người, như nhà cửa, trang phục, ngôn ngữ, chữ viết, đi lại, sinh hoạt văn hoá...

Do cường độ, phạm vi của quá trình giao lưu văn hoá diễn ra mạnh mẽ và rộng lớn nên đã tạo ra sự nhiễu loạn của văn hoá truyền thống. Một số yếu tố văn hoá truyền thống chưa đủ sức bảo tồn hoặc không còn thích ứng cao với sự biến đổi xã hội đã dần mất đi, thay vào đó là các yếu tố văn hoá dân tộc khác dần được xuất hiện. Và như vậy cái truyền thống chưa bị mất hoàn toàn đã hoà vào những yếu tố văn hoá dân tộc khác, tạo

nhên sự lai tạp không thuần nhất trong đời sống văn hoá tộc người; ví như tục tảo mộ thắp hương, lập bàn thờ học theo lối người Việt; tục cưới hỏi vừa của người dân tộc thiểu số, vừa của người Việt; nhà cửa - vừa nhà sàn, nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất; trang phục - vừa váy, khố, vừa quần Jean, áo phông; ngôn ngữ - vừa tiếng dân tộc thiểu số vừa tiếng Việt, có khi tiếng dân tộc thiểu số đang ngày càng bị thu hẹp... Hậu quả tất yếu là cái truyền thống, cái nội lực bị lấn áp và lai tạp.

2. Hội nhập và ảnh hưởng văn hoá hiện đại

Trong những năm gần đây, chúng ta thấy các dân tộc thiểu số ở miền núi Thừa Thiên - Huế đang diễn ra một quá trình hội nhập văn hoá truyền thống và hiện đại mạnh mẽ và rộng khắp. Nhiều bản làng của đồng bào đã kết hợp tốt những yếu tố văn hoá hiện đại và truyền thống, ví như người Cơ-tu ở Nam Đông đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường trồng các loại cây cao su, cà phê và các loại cây ăn quả có giá trị cao; người Tà-ôi ở A Lưới biết tạo ra sản phẩm Zèng xuất khẩu, chăn nuôi bò lai, sử dụng khoa học kỹ thuật để chăm sóc giống cây trồng, vật nuôi; người Vân Kiều kết hợp các hoạt động kinh tế truyền thống với kinh tế VAC để tăng cường các sản phẩm hàng hoá... Trong kiến trúc nhà cửa, ở nhiều bản làng đã xây dựng nhà Gươl, nhà sàn theo lối hiện đại (bê tông hoá, xi măng hoá...), các trường học, nhà truyền thống, trụ sở uỷ ban nhân dân được kết hợp xây dựng theo lối nhà sàn, nhà Gươl. Việc tổ chức lễ hội đã có sự kết hợp các yếu tố truyền thống và hiện đại: bên cạnh việc cúng tế, lễ nghi tôn giáo còn tổ chức liên hoan văn nghệ, thi đấu thể thao.

Nhiều gia đình các dân tộc đã sử dụng các phương tiện hiện đại trong sinh hoạt hàng ngày, như xe máy, tivi, radio... Tất cả những điều đó đã làm cho đời sống các dân tộc thiểu số ở vùng rừng núi ngày càng đổi mới. Một số bản làng nhanh chóng đón nhận các sản phẩm văn hoá hiện đại một cách hồ hởi, như loa phát thanh, tivi màn ảnh rộng, phim ảnh, sách báo, các bài hát, điệu múa, nhạc cụ hiện đại và những bộ quần áo theo mốt mới, dây chuyền vàng, nhẫn vàng, những đồ dùng bằng nhựa, bằng ni lông và cả những dàn karaoke... cũng dần có mặt ở các bản làng.

Rõ ràng, quá trình hội nhập và ảnh hưởng văn hoá hiện đại đã làm cho đời sống của người dân nơi đây không ngừng được cải thiện, tạo cơ hội cho quá trình hội nhập và giao lưu với bên ngoài. Từ đó đời sống văn hoá cũng có điều kiện để biến đổi, tiếp nhận tinh hoa văn hoá hiện đại, để họ dần loại bỏ các hủ tục lạc hậu, thay vào đó các yếu tố văn hoá mới, hiện đại, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội các cộng đồng dân cư nơi đây.

Tuy nhiên cũng phải thấy rằng, các yếu tố văn hoá hiện đại thâm nhập vào xã hội các dân tộc thiểu số Thừa Thiên - Huế phần nào làm đảo lộn đời sống văn hoá cổ truyền của họ. Nó là tác nhân làm mất dần những truyện cổ, những điệu múa, những nhạc cụ, những trang phục, nhà cửa truyền thống, những tri thức địa phương của đồng bào. Đó là thực tế mà chúng ta phải chấp nhận để tìm ra giải pháp nhằm vừa tiếp nhận những yếu tố văn hoá hiện đại vừa bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống, chứ không phải “đóng cửa” bản làng để ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá hiện đại.

3. Xu hướng đồng hoá về văn hoá

Trong tiến trình phát triển của các dân tộc, một xu hướng biến đổi văn hoá thường diễn ra, đó là đồng hoá văn hoá, bao gồm cả đồng hoá tự nhiên và đồng hoá cưỡng bức. Đồng hoá tự nhiên là quá trình tiếp nhận văn hoá một cách tự nguyện giữa các tộc người, thường giữa các tộc người có dân số lớn hơn, có trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội cao hơn với tộc người hay nhóm tộc người nhỏ sống cận cư. Xu thế này dẫn đến tình trạng các tộc người và nhóm tộc người nhỏ tiếp thu văn hoá một phần hoặc hoàn toàn (khi bị đồng hoá) với tộc người có trình độ cao hơn.

Đồng hoá khác với giao lưu văn hoá ở chỗ: giao lưu văn hoá là tiếp nhận văn hoá của dân tộc khác trên cơ sở cái truyền thống của mình để bổ sung và đổi mới. Đồng hoá văn hoá là vay mượn thuần tuý, để bổ sung vào các yếu tố văn hoá của dân tộc cận cư có trình độ phát triển cao hơn (trong nhiều trường hợp đồng hoá làm suy giảm các yếu tố văn hoá truyền thống). Đồng hoá cưỡng bức là áp đặt, ép buộc khi cộng đồng dân cư chưa tự nguyện tiếp nhận văn hoá. Đây là xu hướng thường diễn ra trong điều kiện xã hội có giai cấp với sự nô dịch và xâm lăng. Và rõ ràng đồng hoá cưỡng bức là tiêu cực.

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế thị trường, các xu hướng đồng hoá, mà chủ yếu là đồng hoá tự nhiên, đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số nước ta nói chung và ở Thừa Thiên - Huế nói riêng. Quá trình đồng hoá tự nhiên thể hiện ở hai trường hợp sau đây:

+ Ở vùng núi thấp của các huyện A Lưới, Phong Điền, Hương Trà có một số người Pa-hy (khoảng trên 700 người) sống phân tán kề cận với người Việt, Vân Kiều, Tà-ôi. Nhóm tộc người này, đang ngày càng có xu hướng bị đồng hoá tự nhiên bởi các tộc người kề cận. Bởi vậy, xét về ngôn ngữ, văn hoá, ngay cả các nhà Dân tộc học cũng rất khó xác định họ thuộc tộc người nào trong khu vực. Trong danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam được công bố năm 1979, người Pa-hy được coi là một bộ phận của người Tà-ôi, nhưng một số nhà khoa học lại xếp vào nhóm Bru - Vân Kiều và thậm chí có người còn xếp họ vào với người Việt (Nguyễn Quốc Lộc, 1984, tr. 41). Theo chúng tôi, nhóm người này có thể là một cộng đồng thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me miền núi. Họ sống phân tán ở vùng núi thấp, nên quá trình có kết và kết tinh văn hoá tộc người có phần bị hạn chế. Vì vậy, bộ phận sống kề cận với người Việt trở nên gần giống với người Việt, bộ phận khác sống gần với người Tà-ôi trở nên gần giống người Tà-ôi, bộ phận khác sống gần với người Bru - Vân Kiều nên gần giống với Bru - Vân Kiều.

+ Sự đồng hoá diễn ra mạnh mẽ và tạo nên những thay đổi nhanh chóng trên mọi lĩnh vực của đời sống các dân tộc thiểu số Thừa Thiên - Huế trong những năm gần đây là quá trình đồng hoá tự nhiên với văn hoá người Việt. Trường hợp này được đồng nhất với quan niệm hiện đại hoá văn hoá các dân tộc thiểu số. Quá trình này diễn ra khá mạnh mẽ cả trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần: tiếp nhận quy trình và kỹ thuật sản xuất ruộng nước, trồng trọt, chăn nuôi, cách

thức cư trú, làm nhà, các phương tiện sinh hoạt trong gia đình (giường, tủ, bàn, ghế...), dụng cụ và phương thức chế biến món ăn, cách ăn, các loại hình ca múa nhạc, và thậm chí cả tín ngưỡng lễ nghi tôn giáo (cách thức tảo mộ, lập bàn thờ tổ tiên, lễ nghi trong tang ma, cưới hỏi¹...).

4. Xu hướng mai một và đứt gãy văn hoá truyền thống

Đó là xu hướng biến đổi văn hoá truyền thống và chủ nhân của nó tự đánh mất một phần hoặc toàn bộ các yếu tố văn hoá trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó không phải là quá trình kế thừa, tiếp nhận, loại bỏ và bổ sung để phát triển mà là sự lãng quên đứt gãy truyền thống. Từ đó dẫn đến hiện tượng, cái cũ mất đi, nhưng cái mới chưa hình thành, tạo nên sự hẫng hụt mai một trong đời sống văn hoá mà hậu quả là các giá trị văn hoá của họ bị suy thoái và trở nên nghèo nàn.

Ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số Thừa Thiên - Huế trong những năm gần đây do tác động của kinh tế thị trường, ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác đã xuất hiện quá trình biến đổi văn hoá theo xu hướng mai một và đứt gãy văn hoá truyền thống. Chúng ta có thể nhìn thấy rõ nét sự biến đổi văn hoá theo xu hướng này ở mối quan hệ xã hội: vai trò già làng bị mờ nhạt, chỉ còn tồn tại trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo (như ở bản người Vân Kiều ở Phúc Lộc, Xuân Lộc, Phú Lộc; bản người Vân Kiều ở xã Hồng Hạ, huyện A Lưới), các yếu tố tương trợ giúp đỡ

¹ Thực ra xu hướng này vừa bao hàm nội dung giao lưu văn hoá và đồng hoá tự nhiên giữa người Việt với các dân tộc thiểu số.

lẫn nhau, những tri thức bản địa, luật tục đang có xu hướng mai một, mờ nhạt dần trong đời sống cộng đồng. Trong lúc đó, ảnh hưởng và vai trò của pháp luật, của tổ chức hành chính, những quy luật nghiệt ngã của đời sống kinh tế thị trường chưa hội đủ các điều kiện để bén rễ sâu đậm trong đời sống nhân dân. Trong đời sống văn hoá vật thể và phi vật thể chúng ta cũng bắt gặp những hiện tượng tương tự như vậy. Các dụng cụ đánh bắt, các trang phục, các nghề thủ công truyền thống đang bị mai một và thay vào đó là các trang phục, nhạc cụ hiện đại, các dụng cụ sinh hoạt từ sản phẩm công nghiệp, các lễ nghi tôn giáo, lễ hội do quan hệ cộng đồng bị suy giảm, nên cũng theo đó bị mai một; các kho tàng truyện cổ, ca múa nhạc dân tộc do tác động của xã hội hiện đại mà cũng dần bị lãng quên... Theo xu hướng này, hệ quả tất yếu là cái cũ, cái truyền thống bị suy thoái trong lúc chủ nhân của nó chưa đủ nội lực để tiếp nhận cái mới nên đã tạo ra một sự “nhiều loạn” (Ngô Đức Thịnh, 2008, tr. 36). Văn hoá và tất yếu làm cho bản sắc văn hoá của cộng đồng dân cư đó trở nên nghèo nàn.

5. Xu hướng phục hồi văn hoá truyền thống

Trong những năm gần đây, đặc biệt từ sau Nghị quyết 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về việc phát triển một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phong trào phục hồi và phát huy các giá trị văn hoá tộc người được toàn Đảng, toàn dân đặc biệt quan tâm. Với tinh thần đó, xu hướng phục hồi văn hoá truyền thống ở các dân tộc thiểu số Thừa Thiên - Huế được diễn ra ở hầu khắp các bản

làng. Việc phục hồi văn hoá truyền thống trước hết được thể hiện trong lĩnh vực tổ chức các lễ hội cộng đồng, như lễ hội cúng cơm mới, lễ tết, lễ đâm trâu, lễ cúng thần núi và việc phục hồi các lễ nghi trong ma chay, cưới hỏi... Bên cạnh đó, phục hồi văn hoá truyền thống còn được thể hiện trong việc tổ chức các lễ hội liên hoan văn hoá các dân tộc thiểu số, mà chủ yếu là phục dựng những điệu múa, hát, nhạc cụ truyền thống của đồng bào và chủ trương xây dựng nhà văn hoá cộng đồng theo mô típ kiến trúc của nhà Gươl của người Cơ-tu... Theo đó, các lễ nghi cúng tế, các món ăn truyền thống, các tri thức bản địa, luật tục, vai trò già làng, các loại hình nhạc cụ, dân vũ, dân ca truyền thống của đồng bào được phục hồi trong đời sống của người dân.

Tuy nhiên, quá trình phục hồi văn hoá truyền thống trong xu thế đổi mới của đời sống xã hội và sự tác động của nền kinh tế thị trường đã khiến các chuẩn mực của di sản truyền thống có sự biến đổi. Hiện nay khi bản làng có điều kiện phát triển kinh tế, việc phục hồi văn hoá truyền thống ngày càng được đẩy mạnh, nên sự biến đổi các giá trị truyền thống trong quá trình phục hồi, tạo dựng lại là điều tất yếu. Song, do chiến tranh chống ngoại xâm diễn ra quá dài, sự khốc liệt của chiến tranh, sự nghiệt ngã của thời gian, của mưu sinh cuộc sống và cả sự tác động của quá trình hiện đại hoá đã làm cho nhiều giá trị văn hoá truyền thống bị mai một, lãng quên. Vì vậy, việc phục hồi văn hoá truyền thống trong những năm gần đây, trong rất nhiều trường hợp, chủ yếu dựa trên trí nhớ, tiềm thức, hồi cố của những người

già nên không thể không diễn ra một sự biến đổi so với cái cũ, cái truyền thống. Đó là chưa nói đến có một xu hướng phục hồi truyền thống khi chưa có sự hiểu biết một cách đúng đắn và đầy đủ chính cái truyền thống đó nên đã tạo ra sự biến dạng. Ví như, việc tổ chức lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc mà người tham gia lễ hội không biết đâu là điệu múa, nhạc cụ của dân tộc mình, không biết đặc trưng trang phục của dân tộc mình, các lễ vật cúng tế cũng pha tạp cả món ăn truyền thống và hiện đại, hay việc phục dựng nhà sinh hoạt chung của cộng đồng ở dân tộc nào người ta cũng làm theo khuôn mẫu chung như nhà Gươl của người Cơ-tu không được xây dựng ở giữa làng và ngay cả ngôi nhà Gươl đó cũng bị biến dạng, như vật liệu hiện đại, nhà không có bếp lửa, không có các bảo vật quý của làng...

Rõ ràng, các xu hướng biến đổi văn hoá trong những năm gần đây là tích cực cần được phát huy, bởi chính nó sẽ góp phần đặc lực vào việc bảo lưu và phát triển văn hoá tộc người, để giữ gìn được sức sống tộc người

đó chống “ngọn gió độc” của cơ chế thị trường hiện nay. Tuy nhiên quá trình biến đổi văn hoá truyền thống không ít trường hợp đã diễn ra theo hướng tiêu cực. Vì vậy, chúng ta cần có sự nghiên cứu, hiểu biết đầy đủ các di sản văn hoá của các tộc người để định hướng cho quá trình biến đổi văn hoá đó không bị lai tạp, biến dạng.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Hồng (1998), *Hôn nhân - Gia đình - Ma chay của người Tà-ôi, Cơ-tu, Bru - Vân Kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*, Sở Văn hoá thông tin Quảng Trị.
2. Nguyễn Tri Hùng (1992), *Truyện cổ Cơ-tu*, Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Quốc Lộc (Chủ biên) (1984), *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
4. Ngô Đức Thịnh (2008), “Văn hoá truyền thống Tây Nguyên, tiềm năng thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong vấn đề bảo tồn và phát huy”, *Tạp chí KHXH Miền Trung - Tây Nguyên*, Số 1.



Lễ đón dâu của người Mường (huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình)

Ảnh: Nguyễn Thâm Thu Hà